TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2018/DS-ST
Ngày 07-11-2018
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Phương;

Ông Ngô Chí Luận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1948; cư trú tại: Tổ 11, ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bà P: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ 4, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10-5-2018); có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 11, ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bà Đ: Ông Hoàng Gia Đ2, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ 14, khu phố 3, thị trấn Tân C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01-8-2018); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-5-2018 và lời khai tại Tòa án của bà Nguyễn Thị P, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày: Ngày 15-9-2013, bà Nguyễn Thị P cho bà Trần Thị Đ vay số tiền 60.000.000 đồng, vì tin tưởng nhau nên khi cho vay tiền không làm giấy, nhưng do bà Đ không trả đúng hẹn, nên ngày 01-10-2013 bà P và bà Đ thỏa thuận, bà Đ sang nhượng đất trả cho bà P 80.000.000 đồng và ký tên vào "Giấy mượn nợ", gồm tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng. Trong giấy nợ, bà Đ hẹn đến tháng 10-2013 trả 30.000.000 đồng, năm 2014 trả 50.000.000 đồng, nhưng từ khi làm giấy nợ bà Đ không trả được cho bà P số tiền vay, tiền lãi nào.

Ngoài số tiền vay, bà P còn cùng với bà Đ thỏa thuận hùn vốn mua mì, sau khi bà Đ ký "Giấy hùn mua mì", bà P đưa cho bà Đ 120.000.000 đồng, sau đó bà Đ đưa cho bà P tiền lợi nhuận hùn vốn mua bán mì được 02 lần, với tổng số tiền 3.200.000 đồng thì ngưng luôn cho đến nay và cũng không trả lại tiền hùn vốn mua mì.

Bà M đại diện cho bà P yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Đ có trách nhiệm trả cho bà P số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày 01-10-2013 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Bà M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 20.000.000 đồng.

Buộc bà Đ có trách nhiệm trả cho bà P số tiền hùn mua mì 120.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày 01-01-2014 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Lời khai của bà Trần Thị Đ: Bà là người ở cùng địa phương và có quen biết với bà P. Bà không vay tiền và cũng không nhận tiền hùn vốn mua mì như bà P trình bày, nên không đồng ý trả số tiền vay, tiền hùn vốn mua mì theo yêu cầu của bà P.

Lời khai của ông Hoàng Gia Đ2: Bà Trần Thị Đ không vay tiền, không hùn vốn mua mì với bà P, nên chữ ký tại "Giấy mượn nợ" và chữ ký tại "Giấy hùn mua mì" không phải do bà Đ ký.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đỗ Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Hoàng Gia Đ2 vắng mặt.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Bà Trần Thị Đ và người đại diện của bà Đ cho rằng, không vay tiền và cũng không hùn vốn mua mì với bà Nguyễn Thị P, nên chữ ký tại "Giấy mượn nợ" và chữ ký tại "Giấy hùn mua mì" không phải do bà Đ ký là không có căn cứ, vì theo kết quả giám định đã xác định chữ ký trên 02 tờ giấy mượn nợ và hùn mua mì là của bà Đ viết ra. Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng, bà M yêu cầu bà Đ

trả lại cho bà P và tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/ tháng tính từ 01-10-2013 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền hùn vốn mua mì 120.000.000 đồng, do mua bán mì bị thua lỗ nên bà Đ hẹn đến năm 2016 trả lại cho bà P số tiền 120.000.000 đồng. Do bà Đ không thừa nhận có hùn mua bán mì với bà P, nên không cung cấp chứng cứ việc mua bán mì bị thua lỗ. Bà Đ đồng ý trả cho bà P 120.000.000 đồng, nhưng không trả nên bà P đòi lại số tiền góp vốn và mức lãi suất 0,75%/ tháng là có căn cứ, nhưng bà P yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01-01-2014 đến khi giải quyết xong vụ án là không có căn cứ chấp nhận toàn bộ. Do đó, bà Đ có trách nhiệm trả tiền lãi tính từ ngày 01-01-2016 cho đến ngày xét xử.

Căn cứ các Điều 256, 305, 388, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Trần Thị Đ trả cho bà P số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng 58.050.000 đồng; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Pên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P; bà Trần Thị Đ là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án. Bà P ủy quyền cho bà Đỗi Thị M làm đại diện; bà Đ ủy quyền cho ông Hoàng Gia Đ2 làm đại diện. Tại phiên tòa hôm nay, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bà P, bà Đ, bà M và ông Đ2.

[2] Về nội dung: Ngày 01-10-2013, bà Trần Thị Đ ký tên vào "Giấy mượn nợ" vay của bà Nguyễn Thị P số tiền 80.000.000 đồng, hẹn đến tháng 10 trả 30.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng thỏa thuận năm 2014 trả đủ. Ngoài số tiền vay, ngày 15-9-2013 bà Đ ký vào "Giấy hùn mua mì", nhưng nội dung "Giấy hùn mua mì" thể hiện số tiền 120.000.000 đồng bà P đưa cho bà Đ trước ngày 15-9-2013, do mua bán mì bị thua lỗ nên bà Đ hẹn đến năm 2016 trả lại số tiền trên và phụ cho bà P 20.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, việc hùn vốn mua bán mì các bên thống nhất kết thúc ngày 15-9-2013 và hai bên thỏa thuận đến năm 2016 bà Đ có trách nhiệm trả lại cho bà P 120.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ cho rằng không vay tiền và cũng không hùn vốn mua mì với bà P, nên không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh việc mua bán mì thua lỗ như thế nào để Hội đồng xét xử xem xét. Do bà Đ không trả số tiền 120.000.000 đồng đúng theo cam kết, nên bà P khởi kiện đòi lại tài sản đối với bà Đ số tiền trên là có căn cứ, đồng thời bà Đ còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà P từ ngày 01-01-2016 cho đến nay theo thỏa thuận là phù hợp.

Xét lời khai của bà Trần Thị Đ, của ông Hoàng Gia Đ2 là người đại diện của bà Đ cho rằng, chữ ký "Đ, bên mượn" tại "Giấy mượn nợ" và "Giấy hùn mua mì" không phải là chữ ký của bà Đ là không có cơ sở, là nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình đối với bà P, vì tại Kết luận Giám định số 3800/C09B, ngày 01-10-2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký mang tên Trần Thị Đ dưới mục "Bên mượn" trên "Giấy mượn nợ", ngày 01-10-2013 và chữ ký mang tên Trần Thị Đ dưới mục "Bên mượn" trên "Giấy hùn mua mì", ngày 15-9-2013 là chữ ký của bà Trần Thị Đ. Do đó bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà P tiền vay, tiền hùn mua mì và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện ký ngày 10-5-2018, bà P yêu cầu bà Đ trả số tiền vay 80.000.000 đồng; tiền hùn vốn mua mì 120.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng, tính từ ngày 01-01-2014 đến khi làm đơn khởi kiện là 53 tháng, với số tiền lãi 87.980.000 đồng, tổng cộng 287.980.000 đồng và tiếp tục tính tiền lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu theo đơn khởi kiện đối với bị đơn về số tiền vay 20.000.000 đồng; về mức lãi suất từ 0,83%/ tháng xuống còn 0,75%/ tháng là tự nguyện, đảm bảo đúng với nội dung ủy quyền, ký ngày 10-5-2018 giữa bà P và bà M. Theo ý kiến rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính đến ngày xét xử bà Đ phải trả số tiền tổng cộng 259.695.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi 79.695.000 đồng, so với đơn khởi kiện yêu cầu tổng cộng 287.980.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 87.980.000 đồng, nên đình chỉ phần rút lại yêu cầu số tiền 28.285.000 đồng của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay 60.000.000 đồng, tiền hùn mua mì 120.000.000 đồng và tiền lãi được tính cụ thể như sau:

* 60.000.000 đồng X 0,75%/ tháng X 61 tháng 06 ngày (từ ngày 01-10-2013 đến ngày 07-11-2018) = 27.540.000 đồng;

* 120.000.000 đồng X 0,75%/ tháng X 34 tháng 06 ngày (từ ngày 01-01-2016 đến ngày 07-11-2018) = 30.780.000 đồng.

Tổng cộng bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà P 238.320.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi 58.320.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà P yêu cầu bà Đ trả tiền lãi 21.375.000 đồng.

[4] Chi phí giám định 1.830.000 đồng bà Đ phải chịu; ghi nhận bà P đã nộp và thanh toán xong cho cơ quan giám định, nên bà Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà P số tiền trên.

[5] Tiền tạm ứng án phí, tiền án phí dân sự sơ thẩm được xử lý theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Đối với bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1948, đến thời điểm xét xử bà P trên 60 tuổi thuộc diện người cao tuổi được quy định tại Điều 12, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016. Căn cứ Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà P và trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 256, 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản" đối với bà Trần Thị Đ.

Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi 27.540.000 đồng; trả lại số tiền hùn mua mì 120.000.000 đồng và tiền lãi 30.780.000 đồng. Tổng cộng bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 238.320.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Trần Thị Đ trả số tiền lãi 21.375.000 đồng (hai mươi mốt triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Đình chỉ giải quyết phần rút lại yêu cầu số tiền 28.285.000 đồng (hai mươi tám triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị Đ. Bà Nguyễn Thị P có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đ chưa thi hành xong số tiền trên, thì bà Đ còn phải trả tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị P tiền chi phí giám định 1.830.000 đồng (một triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ phải chịu 11.916.000 đồng (mười một triệu, chín trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị P. Hoàn trả cho bà P tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 7.199.500 đồng theo biên lai thu số 0025493, ngày 14-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV, TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PÊN TÒA

Trần Quốc Vũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa

Hoàng Ngọc Phương Ngô Chí Luận Trần Quốc Vũ